ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THỦY NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:404 /KH-UBND	*Thủy Nguyên, ngày* 13 *tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Đánh giá kết quả triển khai đô thị thông minh trên địa bàn phường Thủy Nguyên

Thực hiện Quyết định số 3007/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt Đề án đô thị thông minh thành phố Hải Phòng và Kế hoạch số 450/KH-UBND ngày 05/11/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đánh giá kết quả triển khai đô thị thông minh trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Ủy ban nhân dân phường Thủy Nguyên ban hành Kế hoạch đánh giá kết quả triển khai đô thị thông minh trên địa bàn phường, với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ Ủy ban nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tại Kế hoạch số 450/KH-UBND ngày 05/11/2026; phân công rõ nội dung, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, sản phẩm và thời hạn hoàn thành cho các phòng, ban, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân phường.

- Tự đánh giá đầy đủ, khách quan các chỉ số thuộc phạm vi quản lý của phường theo tiêu chí, chỉ số quy định tại Thông tư số 03/2026/TT-BXD ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định về phát triển đô thị thông minh (Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ); cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu, tài liệu minh chứng thuộc phạm vi quản lý của phường theo đề nghị của các Sở, ngành.

- Làm cơ sở đề xuất nhiệm vụ, dự án khắc phục các chỉ số chưa đạt thuộc thẩm quyền của phường trong giai đoạn 2026 - 2030; góp phần xây dựng phường Thủy Nguyên phát triển xanh, thông minh, xứng tầm đô thị loại II, nơi đặt Trung tâm Chính trị - Hành chính thành phố tại Khu đô thị Bắc sông Cấm.

2. Yêu cầu

- Việc đánh giá phải dựa trên dữ liệu, thông tin, hồ sơ, kết quả thực hiện thực tế đến thời điểm đánh giá; không đánh giá trên cơ sở định hướng, đề án, kế hoạch chưa được thực hiện có kết quả cụ thể (điểm c khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2026/TT-BXD). Số liệu đánh giá được tính từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 01/9/2027 (Phụ lục III Kế hoạch số 450/KH-UBND).

- Kết quả tự đánh giá từng chỉ số do phường chủ trì được xác định theo 03 mức: "Đạt", "Không đạt" hoặc "Không thuộc phạm vi đánh giá/không phát sinh" (khoản 2 Mục III Kế hoạch số 450/KH-UBND); chỉ số chỉ được đánh giá "Đạt" khi có đầy đủ số liệu, tài liệu minh chứng hợp lệ, chứng minh hệ thống, dịch vụ hoặc hạ tầng đã được thiết lập, vận hành và có kết quả trên thực tế tại thời điểm đánh giá; chỉ số không có minh chứng phù hợp được đánh giá là "Không đạt" (điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2026/TT-BXD).

- Đối với số liệu trên các hệ thống dùng chung của thành phố, sử dụng số liệu trích xuất, văn bản xác nhận hoặc đường dẫn do cơ quan quản lý hệ thống cung cấp, không lập mới tài liệu minh chứng.

- Thông tin, số liệu, tài liệu minh chứng cung cấp cho Sở, ngành và Tổ công tác về phát triển đô thị thông minh thành phố được gửi bằng văn bản của Ủy ban nhân dân phường, do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường phụ trách lĩnh vực ký theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường; trao đổi, xử lý trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

- Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị chuyên môn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu, tài liệu minh chứng do đơn vị mình cung cấp; tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong thu thập, lưu trữ, chia sẻ dữ liệu.

II. PHẠM VI VÀ NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi, đơn vị thực hiện

- Phạm vi: các công trình, dự án, dịch vụ do phường trực tiếp đầu tư, quản lý và thông tin, số liệu thuộc phạm vi quản lý của phường trên địa bàn 28 tổ dân phố.

- Cơ quan, đơn vị thực hiện: các phòng, ban, đơn vị chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường, các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc phường quản lý, các Tổ dân phố.

2. Nội dung thực hiện

- Theo Phụ lục I Kế hoạch số 450/KH-UBND, Ủy ban nhân dân phường chủ trì tự đánh giá đối với phần việc do phường trực tiếp đầu tư, quản lý tại 11 chỉ số: nội dung thông minh tích hợp vào quy hoạch đô thị; cơ sở dữ liệu quy hoạch; tòa nhà thông minh; khu dân cư, khu đô thị thông minh thí điểm; thông tin giao thông trực tuyến; thanh toán điện tử dịch vụ giao thông; bãi đỗ xe, trạm sạc; phương tiện phát thải thấp; hạ tầng xe đạp; công trình thể thao, vui chơi giải trí công cộng; khả năng tiếp cận của người khuyết tật.

- Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu thuộc phạm vi quản lý của phường đối với các chỉ số khác được phân công tại Phụ lục.

- Nội dung thực hiện, sản phẩm, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và thời hạn của từng chỉ số tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

3. Phương pháp đánh giá và tài liệu minh chứng

- Đối với chỉ số phường chủ trì: chỉ số định lượng (tỷ lệ %) tính trên số liệu thực tế tại thời điểm báo cáo so với tổng số công trình, dự án do phường trực tiếp đầu tư, quản lý (tỷ lệ đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân phường có lồng ghép giải pháp hạ tầng thông minh; tỷ lệ bãi đỗ xe do phường quản lý áp dụng thanh toán điện tử…); chỉ số định tính căn cứ tài liệu minh chứng công trình, dịch vụ đã được thiết lập, vận hành trên thực tế.

- Đối với chỉ số phường phối hợp: cung cấp số liệu gốc thuộc phạm vi quản lý của phường theo đề nghị của Sở, ngành.

- Tài liệu minh chứng gồm: báo cáo, số liệu trích xuất từ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; hình ảnh trích xuất từ hệ thống GIS, phần mềm điều hành; văn bản nghiệm thu dự án, quyết định phê duyệt; số liệu được thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Trường hợp không phát sinh công trình, dự án do phường trực tiếp đầu tư, quản lý, đơn vị chủ trì tại phường tham mưu văn bản xác nhận không phát sinh.

- Kết quả tự đánh giá lập theo biểu mẫu tại Phụ lục II Kế hoạch số 450/KH-UBND; tệp minh chứng điện tử được lưu, đặt tên theo mã chỉ số.

III. NHIỆM VỤ VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Rà soát, xác định các chỉ số thuộc phạm vi quản lý của phường

- Các phòng, ban, đơn vị chuyên môn rà soát từng chỉ số được phân công tại Phụ lục; xác định chỉ số phường chủ trì, chỉ số phối hợp và chỉ số không phát sinh trên địa bàn; cử công chức đầu mối, gửi Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp.

- Tổng hợp văn bản chỉ đạo của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường về phát triển đô thị thông minh, chuyển đổi số gửi Tổ công tác về phát triển đô thị thông minh thành phố.

2. Thu thập thông tin, dữ liệu và tài liệu minh chứng

- Rà soát, xác nhận, giải trình số liệu của phường trên các hệ thống dùng chung của thành phố (Cổng Dịch vụ công, hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, ứng dụng Hải Phòng Smart, cơ sở dữ liệu ngành y tế, giáo dục) khi Sở, ngành đề nghị.

- Đối với công trình, dự án do phường trực tiếp đầu tư, quản lý (đồ án quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân phường; quy hoạch tổng mặt bằng do Ủy ban nhân dân phường chấp thuận theo khoản 1 Điều 4 Quyết định số 162/2025/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố; công trình xây dựng do phường làm chủ đầu tư; bãi đỗ xe, công viên, khu thể thao, nhà văn hóa tổ dân phố): lập danh mục, số liệu, hình ảnh minh chứng hoặc văn bản xác nhận không phát sinh.

- Theo dõi, báo cáo thông tin, phản ánh hiện trường về cấp nước, thoát nước thải, các điểm ngập úng cục bộ trên địa bàn, gắn với nhiệm vụ rà soát điểm ngập úng tại Kế hoạch số 385/KH-UBND ngày 04/11/2026 của Ủy ban nhân dân phường; cung cấp cho Sở Xây dựng và đơn vị quản lý vận hành.

- Cung cấp số liệu, tài liệu thuộc phạm vi quản lý của phường cho Sở, ngành chủ trì theo đề nghị và thời hạn của từng chỉ số tại Phụ lục I Kế hoạch số 450/KH-UBND.

3. Tổ chức tự đánh giá, lập báo cáo

- Đối với 11 chỉ số phường chủ trì: đối chiếu với hồ sơ minh chứng để xác định mức độ đáp ứng phần việc của phường, gửi kết quả tự đánh giá và tài liệu minh chứng cho Sở, ngành tổng hợp theo phân công tại Phụ lục I Kế hoạch số 450/KH-UBND; đối với chỉ số chưa đạt hoặc chưa đủ minh chứng, phân tích rõ nguyên nhân, đề xuất giải pháp, lộ trình thực hiện.

- Lập Báo cáo tự đánh giá kết quả triển khai đô thị thông minh trên địa bàn phường theo biểu mẫu tại Phụ lục II Kế hoạch số 450/KH-UBND, gồm kết quả tự đánh giá các chỉ số phường chủ trì và danh mục thông tin, số liệu phường đã cung cấp cho Sở, ngành chủ trì (số, ngày văn bản); bản giấy có chữ ký, đóng dấu và bản điện tử kèm tệp, đường dẫn tài liệu minh chứng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ký, gửi Tổ công tác về phát triển đô thị thông minh thành phố qua Sở Xây dựng.

4. Giải trình, bổ sung minh chứng và khắc phục các chỉ số chưa đạt

- Giải trình, bổ sung số liệu, tài liệu minh chứng thuộc phạm vi quản lý của phường khi Tổ công tác về phát triển đô thị thông minh thành phố đề nghị; bố trí công chức phối hợp khảo sát, kiểm tra thực tế trên địa bàn phường.

- Đề xuất nhiệm vụ, dự án khắc phục các chỉ số chưa đạt thuộc thẩm quyền của phường, lồng ghép vào kế hoạch phát triển đô thị, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách hằng năm của phường, trình Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định theo quy định.

5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí phục vụ hoạt động tự đánh giá, thu thập và cung cấp tài liệu minh chứng được bố trí từ nguồn dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước giao hằng năm của phường theo phân cấp ngân sách hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan thường trực, đầu mối liên hệ với Sở Xây dựng và Tổ công tác về phát triển đô thị thông minh thành phố; chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân phường triển khai Kế hoạch; thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 1, 3 và 4 Mục III Kế hoạch này; chủ trì tự đánh giá phần cấp xã các chỉ số được phân công tại Phụ

lục (quy hoạch, cơ sở dữ liệu quy hoạch, tòa nhà thông minh đối với công sở, khu đô thị thông minh thí điểm, giao thông); chủ trì thống kê số liệu thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt; theo dõi, tổng hợp thông tin hiện trường về cấp nước, thoát nước, ngập úng trên địa bàn; cung cấp cho Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị cấp nước, thoát nước.

- Tổng hợp, quản lý hồ sơ minh chứng điện tử theo mã chỉ số; theo dõi, đôn đốc các phòng, ban, đơn vị chuyên môn, các Tổ dân phố thực hiện; tham mưu Ủy ban nhân dân phường báo cáo kết quả theo yêu cầu của Sở Xây dựng.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường

Cung cấp bản sao, đường dẫn văn bản chỉ đạo của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường về đô thị thông minh, chuyển đổi số; rà soát, xác nhận số liệu văn bản điện tử, ký số của phường trên hệ thống Quản lý văn bản và điều hành do Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố trích xuất; rà soát, xử lý dứt điểm phản ánh, kiến nghị của người dân thuộc thẩm quyền của phường trên ứng dụng Hải Phòng Smart.

3. Phòng Kinh tế

Là đầu mối phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính đối với các chỉ số về bố trí nguồn lực, hạ tầng vật lý số, khung kiến trúc công nghệ thông tin và truyền thông, hạ tầng công nghệ số, bình dân học vụ số được phân công tại Phụ lục; tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch và đưa các nhiệm vụ, dự án khắc phục chỉ số chưa đạt thuộc thẩm quyền của phường vào kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách của phường.

4. Phòng Văn hóa - Xã hội

Chủ trì tự đánh giá chỉ số công trình thể thao, vui chơi giải trí công cộng do phường quản lý; đầu mối phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ đối với các chỉ số y tế, giáo dục, cơ sở dữ liệu di tích lịch sử - văn hóa và nguồn nhân lực, năng lực số của cán bộ, công chức, viên chức phường; hướng dẫn các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc phường quản lý rà soát, xác nhận số liệu trên cơ sở dữ liệu ngành; đăng tải Kế hoạch trên Cổng thông tin điện tử phường.

5. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường

Chủ trì tự đánh giá phần cấp xã chỉ số khả năng tiếp cận của người khuyết tật đối với công trình do phường làm chủ đầu tư; tổng hợp hồ sơ công trình cấp II trở lên do phường làm chủ đầu tư áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM), gửi Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân phường cung cấp cho Sở Xây dựng; phối hợp cung cấp hồ sơ thiết kế, nghiệm thu công trình, công viên, khu thể thao do phường đầu tư; cung cấp thông tin vận hành, duy trì công viên, hệ thống thoát nước, công tác vệ sinh môi trường do Ban quản lý phục vụ các chỉ số được phân công tại Phụ lục.

6. Công an phường

Phối hợp với Công an thành phố cung cấp thông tin camera an ninh tại khu dân cư do phường đầu tư hoặc lắp đặt từ nguồn xã hội hóa tại tổ dân phố đã kết nối hệ thống camera trung tâm; phối hợp với Phòng Kinh tế trong nội dung an ninh mạng; hướng dẫn bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình thu thập, chia sẻ dữ liệu.

7. Trung tâm Phục vụ hành chính công phường

Rà soát, xác nhận số liệu hồ sơ thủ tục hành chính của phường tiếp nhận, xử lý trực tuyến toàn trình do Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố trích xuất từ Cổng Dịch vụ công; giải trình các hồ sơ chưa xử lý trực tuyến toàn trình khi được đề nghị.

8. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường

Phối hợp cung cấp số liệu hệ thống truyền thanh cơ sở phục vụ cảnh báo, truyền tin thiên tai; cung cấp thông tin di tích lịch sử - văn hóa, công trình thể thao do Trung tâm quản lý, khai thác; tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của phường về nội dung Kế hoạch.

9. Các Tổ dân phố

Phối hợp thống kê số hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, camera an ninh lắp đặt từ nguồn xã hội hóa tại tổ dân phố; báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân phường (qua Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường) các điểm ngập úng, sự cố cấp nước, thoát nước trên địa bàn.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường

Chỉ đạo Ban Công tác Mặt trận các tổ dân phố và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia phong trào bình dân học vụ số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng Hải Phòng Smart, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; giám sát việc thực hiện Kế hoạch theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch đánh giá kết quả triển khai đô thị thông minh trên địa bàn phường Thủy Nguyên. Ủy ban nhân dân phường yêu cầu các phòng, ban, đơn vị chuyên môn, các Tổ dân phố nghiêm túc triển khai thực hiện; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND phường;
- UB MTTQVN phường;
- VP HĐND và UBND phường;
- Các phòng: XDNN&MT; KT; VH-XH;
- Ban QLDA ĐTXD phường; Công an phường;
- TTPVHCC; TTDVSNC;
- Các Tổ dân phố;
- Lưu: VT, XDNN&MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG THỦY NGUYÊN T.P HẢI PHÒNG

Nguyễn Văn Viển

Phụ lục

PHÂN CÔNG RÀ SOÁT, CUNG CẤP TÀI LIỆU MINH CHỨNG CÁC CHỈ SỐ ĐÔ THỊ THÔNG MINH TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG THỦY NGUYÊN

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Thủy Nguyên)

TT	Mã chỉ số	Chỉ số (phân loại)	Cơ quan chủ trì cấp thành phố (KH 450)	Vai trò của phường	Nội dung phường thực hiện; sản phẩm, minh chứng	Đơn vị chủ trì tại phường	Đơn vị phối hợp tại phường	Thời hạn
I	**THỂ CHẾ**							
1	I.TC.01.01	Chỉ đạo tập trung về phát triển đô thị thông minh, chuyển đổi số (B1)	Tổ công tác về phát triển ĐTTM	Phối hợp	Cung cấp bản sao hoặc đường dẫn nghị quyết, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND phường về đô thị thông minh, chuyển đổi số	VP	KT, XDNN&MT	Trước ngày 15/12/2026
2	I.TC.01.02	Xây dựng định hướng, chiến lược, chính sách phát triển đô thị thông minh (B1, B2)	Sở Xây dựng	Phối hợp	Cung cấp danh mục văn bản, kế hoạch, chương trình của phường đã ban hành triển khai phát triển đô thị thông minh (nếu có)	XDNN&MT	KT, VP	Trước ngày 15/3/2027
3	I.NL.02.01	Bố trí nguồn lực triển khai các hoạt động, dự án phát triển đô thị thông minh (B1, B2)	Sở Tài chính	Phối hợp	Cung cấp số liệu kinh phí ngân sách phường, nguồn xã hội hóa bố trí cho nhiệm vụ, dự án đô thị thông minh do phường thực hiện; quyết định giao dự toán, phê duyệt dự án	KT	Ban QLDA	Thường xuyên (tương ứng với từng dự án cụ thể)
4	I.NL.02.02	Nguồn nhân lực phục vụ phát triển đô thị thông minh (B2)	Sở Nội vụ	Phối hợp	Cung cấp số liệu cán bộ, công chức của phường làm công nghệ thông tin, chuyển đổi số; số người được đào tạo, bồi dưỡng về đô thị thông minh	VH-XH	KT, các phòng, ban	Thường xuyên (tương ứng với từng dự án cụ thể)

TT	Mã chỉ số	Chỉ số (phân loại)	Cơ quan chủ trì cấp thành phố (KH 450)	Vai trò của phường	Nội dung phường thực hiện; sản phẩm, minh chứng	Đơn vị chủ trì tại phường	Đơn vị phối hợp tại phường	Thời hạn
II	**QUY HOẠCH VÀ XÂY DỰNG THÔNG MINH**							
5	II.QH.03.01	Nội dung thông minh được tích hợp vào các quy hoạch đô thị (B2)	Sở Xây dựng (quy hoạch do thành phố quản lý)	Chủ trì phần cấp xã	Rà soát đồ án quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND phường, quy hoạch tổng mặt bằng do UBND phường chấp thuận (khoản 1 Điều 4 QĐ 162/2025/QĐ-UBND), dự án do phường làm chủ đầu tư có lồng ghép giải pháp hạ tầng thông minh; báo cáo tỷ lệ %, quyết định phê duyệt (hoặc văn bản xác nhận không phát sinh)	XDNN&MT	Ban QLDA	Thường xuyên (tương ứng với từng dự án cụ thể)
6	II.QH.03.03	Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn (B2)	Sở Xây dựng (hệ thống do thành phố quản lý)	Chủ trì phần cấp xã	Rà soát, cập nhật dữ liệu quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng thuộc thẩm quyền của UBND phường và giấy phép xây dựng do UBND phường cấp trên cơ sở dữ liệu GIS của thành phố theo phân quyền của Sở Xây dựng; báo cáo tỷ lệ số hóa, trích xuất minh chứng phần dữ liệu của phường	XDNN&MT		Thường xuyên (tương ứng với từng dự án cụ thể)
7	II.CT.04.01	Nền tảng hỗ trợ thẩm định, phê duyệt hồ sơ áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) đối với công trình cấp II trở lên (B1, B2)	Sở Xây dựng	Phối hợp	Cung cấp hồ sơ công trình cấp II trở lên do phường làm chủ đầu tư có áp dụng BIM ở bước thiết kế (hoặc xác nhận không phát sinh)	Ban QLDA	XDNN&MT	Thường xuyên (tương ứng với từng dự án cụ thể)
8	II.CT.04.02	Tòa nhà thông minh (Tiêu chí nâng cao)	Sở Xây dựng (công trình do thành phố quản lý, cấp phép)	Chủ trì phần cấp xã	Thống kê công trình do phường trực tiếp đầu tư, quản lý được chứng nhận công trình xanh hoặc áp dụng công nghệ quản lý tòa nhà (BMS) (hoặc xác nhận không phát sinh)	XDNN&MT	Ban QLDA	Thường xuyên (tương ứng với từng dự án cụ thể)

TT	Mã chỉ số	Chỉ số (phân loại)	Cơ quan chủ trì cấp thành phố (KH 450)	Vai trò của phường	Nội dung phường thực hiện; sản phẩm, minh chứng	Đơn vị chủ trì tại phường	Đơn vị phối hợp tại phường	Thời hạn
9	II.CT.04.04	Khu đô thị thông minh, khu đô thị công nghệ (Tiêu chí nâng cao)	Sở Xây dựng (dự án do thành phố quyết định đầu tư, phê duyệt)	Chủ trì phần cấp xã	Rà soát, đánh giá dự án thí điểm khu dân cư, khu đô thị thông minh do phường tự triển khai (hoặc xác nhận không phát sinh)	XDNN&MT	Ban QLDA	Thường xuyên (tương ứng với từng dự án cụ thể)
III	**HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÔNG MINH**							
10	III.GT.05.03	Đường phố được giám sát theo thời gian thực (Tiêu chí nâng cao)	Công an thành phố	Phối hợp	Cung cấp danh sách camera an ninh do phường đầu tư hoặc lắp đặt từ nguồn xã hội hóa tại tổ dân phố đã kết nối hệ thống camera trung tâm	Công an phường	TDP	Trước ngày 15/6/2027
11	III.GT.05.05	Hệ thống giao thông công cộng có thể truy cập trực tuyến theo thời gian thực (Tiêu chí nâng cao)	Sở Xây dựng (hệ thống do thành phố quản lý)	Chủ trì phần cấp xã	Rà soát ứng dụng, tiện ích thông tin giao thông do phường tự đầu tư, phát triển (hoặc xác nhận không phát sinh)	XDNN&MT		Trước ngày 15/6/2027
12	III.GT.05.08	Dịch vụ giao thông đô thị sử dụng phương thức thanh toán điện tử (Tiêu chí nâng cao)	Sở Xây dựng (hệ thống do thành phố quản lý)	Chủ trì phần cấp xã	Thống kê bãi đỗ xe, điểm trông giữ xe, dịch vụ vận tải do phường trực tiếp quản lý có áp dụng thanh toán điện tử; báo cáo tỷ lệ % (hoặc xác nhận không phát sinh)	XDNN&MT	KT	Trước ngày 15/3/2027
13	III.GT.05.04	Bãi đỗ xe công cộng được trang bị hệ thống thông tin chỗ trống theo thời gian thực và trạm cấp năng lượng sạch (Tiêu chí nâng cao)	Sở Xây dựng (bãi đỗ xe, trạm sạc do thành phố đầu tư, quản lý, cấp phép)	Chủ trì phần cấp xã	Rà soát bãi đỗ xe công cộng, trạm sạc do phường trực tiếp đầu tư, quản lý (hoặc xác nhận không phát sinh)	XDNN&MT	KT	Thường xuyên (tương ứng với từng dự án cụ thể)
14	III.GT.05.07	Phương tiện giao thông đô thị có mức phát thải thấp (Tiêu chí nâng cao)	Sở Xây dựng (phương tiện do thành phố quản lý, cấp phép)	Chủ trì phần cấp xã	Thống kê phương tiện công cộng, xe điện nội bộ thuộc phạm vi quản lý, đầu tư của phường (hoặc xác nhận không phát sinh)	XDNN&MT		Trước ngày 15/3/2027

TT	Mã chỉ số	Chỉ số (phân loại)	Cơ quan chủ trì cấp thành phố (KH 450)	Vai trò của phường	Nội dung phường thực hiện; sản phẩm, minh chứng	Đơn vị chủ trì tại phường	Đơn vị phối hợp tại phường	Thời hạn
15	III.GT.05.01	Hạ tầng cho phương tiện xe đạp (Tiêu chí nâng cao)	Sở Xây dựng (tuyến đường do thành phố quản lý)	Chủ trì phần cấp xã	Rà soát hạ tầng xe đạp, trạm thuê xe đạp công cộng trên tuyến đường, khu dân cư do phường trực tiếp quản lý (hoặc xác nhận không phát sinh)	XDNN&MT		Trước ngày 15/6/2027
16	III.CN.07.01	Quản lý cấp nước theo thời gian thực (Tiêu chí nâng cao)	Sở Xây dựng, Công ty cổ phần Cấp nước	Phối hợp	Theo dõi, giám sát địa bàn; báo cáo tổng hợp thông tin, phản ánh hiện trường về chất lượng, tình hình cấp nước sinh hoạt (nếu có)	XDNN&MT	TDP	Trước ngày 15/6/2027
17	III.TNT.08.01	Quản lý thoát nước thải theo thời gian thực (Tiêu chí nâng cao)	Sở Xây dựng, Công ty TNHH MTV Thoát nước	Phối hợp	Theo dõi, giám sát địa bàn; báo cáo thông tin, phản ánh hiện trường về tình hình thu gom, thoát nước thải (nếu có)	XDNN&MT	Ban QLDA, TDP	Thường xuyên (tương ứng với từng dự án cụ thể)
18	III.TNM.09.01	Quản lý thoát nước mưa bền vững và cảnh báo ngập lụt theo thời gian thực (Tiêu chí nâng cao)	Sở Xây dựng, Công ty TNHH MTV Thoát nước Hải Phòng	Phối hợp	Theo dõi, giám sát địa bàn; báo cáo các điểm ngập lụt cục bộ (gắn với Kế hoạch số 385/KH-UBND), phản ánh hiện trường theo thời gian thực	XDNN&MT	Ban QLDA, TDP	Trước ngày 15/6/2027
19	III.MT.11.02	Hệ thống thông tin phục vụ dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai (Tiêu chí nâng cao)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Phối hợp	Cung cấp thông tin kênh truyền tin thiên tai tại phường (truyền thanh cơ sở, Cổng thông tin điện tử, mạng xã hội của phường), lồng ghép trong báo cáo tổng kết phòng, chống thiên tai hằng năm của phường	XDNN&MT	TTDVSNC, VH-XH	Trước ngày 15/3/2027
20	III.CTR.10.01	Chất thải rắn đô thị được phân loại tại nguồn (Tiêu chí nâng cao)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Phối hợp	Cung cấp số hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên tổng số hộ của 28 tổ dân phố	XDNN&MT	Ban QLDA, TDP	Hằng năm
IV	**HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI THÔNG MINH**							
21	IV.YT.13.02	Hồ sơ sức khỏe điện tử (Tiêu chí nâng cao)	Sở Y tế	Phối hợp	Rà soát, xác nhận số liệu của phường do Sở Y tế trích xuất từ Nền tảng Hồ sơ sức khỏe điện tử	VH-XH		Trước ngày 15/6/2027

TT	Mã chỉ số	Chỉ số (phân loại)	Cơ quan chủ trì cấp thành phố (KH 450)	Vai trò của phường	Nội dung phường thực hiện; sản phẩm, minh chứng	Đơn vị chủ trì tại phường	Đơn vị phối hợp tại phường	Thời hạn
22	IV.YT.13.03	Y tế dự phòng (Tiêu chí nâng cao)	Sở Y tế	Phối hợp	Rà soát, xác nhận số liệu của phường trên phần mềm quản lý tiêm chủng, giám sát dịch bệnh theo đề nghị của Sở Y tế	VH-XH		Trước ngày 15/6/2027
23	IV.GD.14.02	Nền tảng và trang thiết bị giáo dục và đào tạo (Tiêu chí nâng cao)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phối hợp	Hướng dẫn các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc phường quản lý cập nhật, xác nhận số liệu học bạ số, hệ thống quản lý nhà trường trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục	VH-XH	Các trường học	Trước ngày 15/6/2027
24	IV.VH.17.02	Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu công trình văn hóa của đô thị (Tiêu chí nâng cao)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phối hợp	Cung cấp danh sách di tích lịch sử - văn hóa xếp hạng quốc gia, quốc gia đặc biệt trên địa bàn phường đã được số hóa hoặc có mã QR giới thiệu thông tin (hoặc xác nhận không phát sinh)	VH-XH	TTDVSNC	Trước ngày 15/9/2027
25	IV.VH.17.03	Các công trình thể thao, vui chơi giải trí công cộng được quản lý bằng công nghệ thông minh (Tiêu chí nâng cao)	UBND cấp xã (công trình do địa phương trực tiếp quản lý, đầu tư)	Chủ trì	Rà soát công viên, khu thể thao, vui chơi do phường quản lý đáp ứng tối thiểu 01 - 02 điều kiện: (1) wifi miễn phí; (2) camera an ninh kết nối trực tuyến; (3) ứng dụng tra cứu, đặt lịch trực tuyến; danh sách công trình, hình ảnh minh chứng	VH-XH	Ban QLDA, TTDVSNC, Công an phường, XDNN&MT	Trước ngày 15/6/2027
26	IV.DC.18.01	Khả năng tiếp cận phương tiện đối với người khuyết tật (Tiêu chí nâng cao)	Sở Xây dựng (công trình do thành phố quản lý)	Chủ trì phần cấp xã	Rà soát giải pháp hỗ trợ người khuyết tật tại công trình công cộng do phường đầu tư, quản lý; hình ảnh, tài liệu kỹ thuật minh chứng (hoặc xác nhận không phát sinh)	Ban QLDA	VH-XH, XDNN&MT	Trước ngày 15/6/2027
V	**HẠ TẦNG VÀ NỀN TẢNG SỐ**							
27	V.HS.19.05	Hạ tầng vật lý số (IoT) (B2)	Sở Khoa học và Công nghệ	Phối hợp	Cung cấp danh sách thiết bị cảm biến IoT (đo môi trường, giao thông, cấp thoát nước) do phường đầu tư, quản lý đã kết nối nền tảng của thành phố (hoặc xác nhận không phát sinh)	KT	XDNN&MT, Ban QLDA	Thường xuyên (tương ứng với từng dự án cụ thể)

TT	Mã chỉ số	Chỉ số (phân loại)	Cơ quan chủ trì cấp thành phố (KH 450)	Vai trò của phường	Nội dung phường thực hiện; sản phẩm, minh chứng	Đơn vị chủ trì tại phường	Đơn vị phối hợp tại phường	Thời hạn
28	V.NS.20.01	Khung kiến trúc công nghệ thông tin và truyền thông ICT phát triển đô thị thông minh. Có hệ thống bảo đảm an ninh mạng (B1, B2)	Sở Khoa học và Công nghệ	Phối hợp	Cung cấp thông tin hệ thống thông tin do phường quản lý, vận hành (nếu có) phục vụ cập nhật Khung kiến trúc ICT của thành phố; thông tin kết nối giám sát an toàn thông tin (SOC) của các hệ thống này	KT	VP, Công an phường	Trước ngày 15/3/2027
29	V.HS.19.03	Hạ tầng công nghệ số phủ trùm (Tiêu chí nâng cao)	Sở Khoa học và Công nghệ	Phối hợp	Cung cấp thông tin dự án, ứng dụng công nghệ số (trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, điện toán đám mây) do phường triển khai trong quản lý đô thị; tài liệu nghiệm thu (hoặc xác nhận không phát sinh)	KT	Các phòng, ban	Thường xuyên (tương ứng với từng dự án cụ thể)
30	V.HS.19.04	Nền tảng kết nối cư dân (Tiêu chí nâng cao)	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an thành phố	Phối hợp	Rà soát, xác nhận số liệu phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền của phường do Sở Khoa học và Công nghệ trích xuất; xử lý dứt điểm phản ánh quá hạn	VP	KT, các phòng, ban	Thường xuyên (tương ứng với từng dự án cụ thể)
VI	**QUẢN TRỊ**							
31	VI.CQ.21.01	Hệ thống dịch vụ hành chính công thông minh (B2)	Văn phòng UBND thành phố	Phối hợp	Rà soát, xác nhận số liệu hồ sơ thủ tục hành chính của phường do Văn phòng UBND thành phố trích xuất từ Cổng Dịch vụ công; giải trình hồ sơ chưa xử lý trực tuyến toàn trình	TTPVHCC	KT	Thường xuyên (tương ứng với từng dự án cụ thể)
32	VI.CQ.21.02	Hệ thống điều hành nội bộ chính quyền (B1)	Văn phòng UBND thành phố	Phối hợp	Rà soát, xác nhận số liệu văn bản ký số của phường do Văn phòng UBND thành phố trích xuất từ hệ thống Quản lý văn bản và điều hành	VP		Thường xuyên (tương ứng với từng dự án cụ thể)
33	VI.CD.22.01	Bình dân học vụ số (B2)	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Phối hợp	Cung cấp số mô hình, lớp phổ cập kỹ năng số, số người tham gia, hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng do phường tổ chức	KT	VH-XH, TDP	Thường xuyên (tương ứng với từng dự án cụ thể)

TT	Mã chỉ số	Chỉ số (phân loại)	Cơ quan chủ trì cấp thành phố (KH 450)	Vai trò của phường	Nội dung phường thực hiện; sản phẩm, minh chứng	Đơn vị chủ trì tại phường	Đơn vị phối hợp tại phường	Thời hạn
34	VI.CD.22.02	Năng lực số của lực lượng lao động (B2)	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Phối hợp	Cung cấp số cán bộ, công chức, viên chức của phường được tập huấn kỹ năng số; chứng chỉ, giấy chứng nhận	VH-XH	KT	Thường xuyên (tương ứng với từng dự án cụ thể)

Ghi chú:

- Vai trò của phường theo Phụ lục I Kế hoạch số 450/KH-UBND ngày 05/11/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố: "Chủ trì", "Chủ trì phần cấp xã": phường tự đánh giá, chịu trách nhiệm về kết quả và tài liệu minh chứng đối với công trình, dự án, dịch vụ do phường trực tiếp đầu tư, quản lý; "Phối hợp": phường cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu thuộc phạm vi quản lý theo đề nghị của Sở, ngành.

- (B1): tiêu chí cơ bản cấp tỉnh cần thực hiện; (B2): tiêu chí cơ bản các đô thị cần thiết đạt được; các tiêu chí còn lại là tiêu chí nâng cao (theo ghi chú Phụ lục I Thông tư số 03/2026/TT-BXD). Thời hạn theo Phụ lục I Kế hoạch số 450/KH-UBND (có thể được điều chỉnh theo ghi chú tại Phụ lục III Kế hoạch số 450/KH-UBND); số liệu tính từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 01/9/2027.

- Chữ viết tắt: XDNN&MT - Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; VP - Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường; KT - Phòng Kinh tế; VH-XH - Phòng Văn hóa - Xã hội; Ban QLDA - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường; TTPVHCC - Trung tâm Phục vụ hành chính công phường; TTDVSNC - Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường; TDP - Tổ dân phố; ĐTTM - đô thị thông minh.